

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH P**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Yên

- Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê T Hùng

- Ông Ngô Ngọc Khương

- T ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Đinh
Phương Mai - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm
2021, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 11/2022/QĐXX-ST ngày 21/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Minh T, sinh năm 1993;

Cư trú tại: Khu 5, xã G, huyện H, tỉnh P.

Hiện ở: Khu 2, xã Hiền Lương, huyện H, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Doãn T, sinh năm 1991;

Cư trú tại: Khu 5, xã G, huyện H, tỉnh P

Chị T có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị
Minh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Doãn T có đăng kết hôn ngày 10/7/2012, tại UBND xã G,
huyện H, tỉnh P, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh, chị về chung
sống cùng bố mẹ anh T, tại khu 5, xã G, huyện H, tỉnh P. Cuộc sống vợ chồng thời
gian đầu Hòa thuận, hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân
do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xảy ra cãi chửi,
đánh nhau. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2021 đến nay, vợ chồng đã
chấm dứt mọi quan hệ, không hề quan tâm gì tới nhau. Nay chị xác định tình cảm
vợ chồng không còn gì, vợ chồng không thể đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết
cho được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 14/2/2013 và cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 20/10/2017. Hiện nay, cháu Nguyễn Hà M đang ở với chị cùng nhà ông bà ngoại tại khu 2 xã H, Huyện H, tỉnh P, cháu Nguyễn Hoàng Y đang ở cùng ông bà nội tại khu 5, xã G, huyện H, tỉnh P. Do hiện anh T đi làm xa, không có mặt tại địa phương, nên khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tại phiên tòa chị không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay chung, công sức đóng góp: Chị T xác định không có, không đề nghị giải quyết.

Về lời khai của bị đơn anh Nguyễn Doãn T:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Doãn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết. Vì vậy, anh T không có lời khai và Tòa án không tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ và Hòa giải được. Quá Trình làm việc bố, mẹ đẻ anh T (ông Nguyễn Doãn T, bà Nguyễn Thị N) và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã G cho biết: Chị T và anh T kết hôn ngày 10/7/2012, tại UBND xã G, huyện H, tỉnh P, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị T, anh T về sống chung cùng ông T, bà N (bố mẹ đẻ anh T). Vợ chồng chung sống Hòa thuận được khoảng 05 năm, sau đã thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau. Vợ chồng anh, chị hiện sống ly thân, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2021 đến nay, anh T hiện cũng đi làm ăn xa trong miền nam, không ai biết địa chỉ nơi sinh sống và làm việc (anh T không cho biết).

Ông Nguyễn Doãn T, bà Nguyễn Thị N cho biết thêm, anh T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nhưng hiện anh đang bận đi làm ăn xa không đến Tòa án làm việc được. Anh nhất trí ly hôn với chị T. Đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Về con chung: ông T, bà N cho biết hiện cháu Nguyễn Hoàng Y đang ở với ông bà, nhưng khi chị T, anh T ly hôn, các cháu ở với ai là tùy các cháu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Minh T ly hôn với anh Nguyễn Doãn T.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 14/2/2013 và Nguyễn Hoàng Y; sinh ngày 20/10/2017 đến khi các cháu thành niên, lao động tự túc được. Anh Nguyễn Doãn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, cho vay chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Minh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T và bị đơn anh Nguyễn Doãn T đều có hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã G, huyện H, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P.

Xét về sự vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Doãn T, trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, đề anh T đến Tòa có lời khai và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải theo thủ tục chung của pháp luật, nhưng anh T cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành Hòa giải được. Bố mẹ anh T đã nhận các văn bản tố tụng và thông báo cho anh T, nhưng gia đình cho biết anh T làm việc ở xa, tình hình dịch bệnh phức tạp nên anh không thể đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, anh có đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử theo quy định là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị T, ông T, bà N và của chính quyền địa phương nơi anh, chị cư trú có thể xác định: Chị Phạm Thị Minh T, anh Nguyễn Doãn T đăng ký kết hôn ngày 07/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh P, trên cơ sở tự nguyện. Đây là một hôn nhân hợp pháp phù hợp với pháp luật. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng Hòa thuận hạnh phúc được khoảng 5 năm, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cãi cọ, xô xát. Vợ chồng sống ly thân hơn một năm, chị T về nhà bố mẹ để sinh sống, anh T hiện đi làm ăn xa, vợ chồng không hề quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết bố, mẹ anh T cũng cho biết anh có nói lại là đồng ý ly hôn với chị T.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị Minh T, anh Nguyễn Doãn T là trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị T ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Phạm Thị Minh T, anh Nguyễn Doãn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 14/02/2013 và cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 20/10/2017. Hiện cháu M đang ở với chị T, cháu Y đang ở với bố mẹ đẻ anh T (ông T, bà N). Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tại phiên tòa chị không đề nghị anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Y, cháu M đều là nữ. Hiện nay anh T đi làm xa, không có mặt ở nhà, không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho hai cháu về mặt thể chất và

tin thần, các cháu cần sự chăm sóc của người mẹ. Nên khi ly hôn cần giao hai cháu Nguyễn Hà M và Nguyễn Hoàng Y cho chị Phạm Thị Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, lao động tự túc được và anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị Minh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Minh T ly hôn với anh Nguyễn Doãn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 14/02/2013 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 20/10/2017 cho đến khi các con chung trưởng thành, lao động tự túc được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T (chị T không yêu cầu).

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị Phạm Thị Minh T xác định không có, không đề nghị giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Minh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2020/0004790 ngày 08/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã G, huyện H;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đình Yên